TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2022/QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 04 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh **Chế Quang T**, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố An Đô, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị **Hồ Thị Quỳnh T**, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố Lại Bằng 1, phường Hương Vân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chế Quang T và chị Hồ Thị Quỳnh T đăng ký kết hôn tại UBND phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/6/2018 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh T, chị T trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/4/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Chế Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/6/2018. Anh T, chị T thỏa thuận giao cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; anh T cấp dưỡng cho con Chế Ngọc Linh Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Chế Quang T và chị Hồ Thị Quỳnh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Chế Quang T và chị Hồ Thị Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Chế Quang T và chị Hồ Thị Quỳnh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Chế Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/6/2018 cho chị Hồ Thị Quỳnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Chế Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Chế Ngọc Linh Đ đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiếp cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Chế Quang T và chị Hồ Thị Quỳnh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai số 0001318 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh T, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường Hương Chữ (Số 43 ngày 12/6/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh